TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2019/HS-PT
Ngày: 21/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Ông Cà Văn Pâng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Tố Uyên, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Công - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/TLPT-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Lò Thị D do có kháng cáo của bị cáo Lò Thị D đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2018/HS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Bị cáo có kháng cáo:

Lò Thị D, sinh năm: 1977 tại tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản B, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn N, sinh năm 1930 và bà Lò Thị Đ (đã chết); có chồng Lò Văn T, sinh năm 1969 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý hành chính; bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 69/QĐUBKTHU ngày 07/8/2017 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2017, có mặt tại phiên tòa.

Các Bị hại không có kháng cáo được triệu tập đến phiên tòa:

- Ông Tòng Văn S, sinh năm: 1964; trú tại: Bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Anh Vì Văn T, sinh năm: 1983. trú tại: Bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Chị Lò Thị D, sinh năm: 1984; trú tại: Bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Ông Lò Văn H, sinh năm: 1969; trú tại: Bản L, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Bà Lò Thị K, sinh năm: 1972; trú tại: Bản L, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo không được triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lò Thị D là người làm ruộng và bán hàng quần áo tại chợ B thuộc xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Để có tiền tiêu xài, bị cáo đã nhiều lần đưa ra các thông tin không chính xác về bản thân như: Có người nhà làm ở cơ quan trên Tỉnh, có người quen làm ở các ngành nên có khả năng xin cho các sinh viên đã được đào tạo chuyên nghiệp mới ra trường vào làm việc tại ngành Y, ngành Giáo dục, ngành Kiểm lâm của tỉnh Điện Biên. Vì vậy, có nhiều người tin tưởng giao tiền cho bị cáo nhờ xin việc, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu năm 2014, ông Tòng Văn S quen biết bị cáo Lò Thị D qua những lần mua hàng để mang đi vùng cao bán. Ông S nói chuyện với bị cáo D "có con trai là Tòng Văn P (sinh năm 1990), học trường Cao đẳng Y Phú Thọ ra trường nhưng chưa xin được việc làm", lúc đó bị cáo D không nói gì. Một thời gian sau ông S tiếp tục đến lấy hàng của bị cáo D, bị cáo hỏi ông S con trai đã xin được việc chưa, ông S nói chưa. Do đang khó khăn về kinh tế, bị cáo D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để sử dụng vào mục đích cá nhân. Bị cáo D nói với ông S: "có người nhà làm ở cơ quan trên tỉnh, có thể xin được vào làm việc ở ngành Y tế, nếu muốn thì xin hộ cho". Ông S hỏi bị cáo D hết bao nhiêu tiền, bị cáo D nói "hết khoảng 150.000.000đồng nhưng chỗ anh thì chỉ 130.000.000đồng". Do tin là thật nên ngày 15/9/2014, ông S đã mang 130.000.000đồng (*một trăm ba mươi triệu đồng*) giao trực tiếp cho bị cáo D. Ông S nhờ ông Lường Văn T đi cùng đến Ki-ốt chợ Bản P chứng kiến việc giao nhận tiền xin việc cho con trai. Sau khi giao tiền, ông S viết giấy cho vay tiền nhưng thực chất là tiền để xin việc làm, sau đó ông S, bị cáo D cùng ký vào giấy vay tiền, ông T là người chứng kiến. Sau khi nhận tiền, bị cáo D bảo ông S đến Sở Y tế mua hồ sơ và nộp tại Sở Y tế. Ngày 01/3/2015 ông S mua hồ sơ làm và nộp tại Sở Y tế tỉnh Điện Biên. Sau đó, ông S đã nhiều lần hỏi bị cáo D về kết quả xin việc của cháu P nhưng bị cáo D đều nói sắp có rồi nên gia đình ông S tin tưởng và tiếp tục chờ. Một thời gian sau, bị cáo D nói với ông S: "mang thêm tiền nữa thì mới xin được vì bây giờ giá lên là 200.000.000đồng, nhưng ông S chỉ cần đưa thêm 50.000.000đồng nữa là được". Ngày 13/6/2015, ông S cùng ông T đến Ki-ốt giao thêm 40.000.000đồng cho bị cáo D. Sau khi giao tiền xong, ông T viết tiếp vào giấy biên nhận ngày 15/9/2014 và các bên cùng ký vào giấy vay. Tháng 4/2015, cháu Tòng Văn P tham gia thi tuyển vào Sở Y tế tỉnh Điện Biên nhưng không đỗ, ông S nhiều lần yêu cầu bị cáo trả lại tiền, cho đến ngày 04/12/2015, bị cáo D đã trả cho ông S 70.000.000đồng. Ngày 28/01/2016, bị cáo thế chấp giấy tờ Ki-ốt ở chợ Bản P cho ông S hẹn đến ngày 04/02/2016 sẽ

hoàn trả tiền, nếu không trả thì ông S sẽ lấy Ki-ốt. Đến hẹn, bị cáo không có tiền trả cho ông S, ngày 07/02/2016, bị cáo vay tiếp của ông S 30.000.000đồng, cùng ngày bị cáo đã trả 20.000.000đồng. Tính đến ngày 06/4/2016, bị cáo còn nợ tiền gốc là 110.000.000đồng và hẹn ngày 10/4/2016, bị cáo trả toàn bộ số tiền trên, nếu không trả được phải bàn giao Ki-ốt cho ông S như đã thỏa thuận, nhưng bị cáo chưa giao Ki-ốt cho S.

Lần thứ hai: Khoảng đầu năm 2015, do có quan hệ họ hàng với anh Vì Văn T nên bị cáo D biết anh T có em trai tên là Vì Văn P (sinh năm 1989), học Cao đẳng sư phạm tỉnh Điện Biên ra trường nhưng chưa xin được việc làm. Bị cáo D nói với anh T là có quen biết người làm ở ngành giáo dục sẽ xin được việc cho P vào làm giáo viên. Khoảng giữa tháng 01/2015, anh T đến Ki-ốt tại chợ Bản P gặp bị cáo, anh T muốn xin cho P làm gần nhà. Bị cáo nói nếu xin làm ở xã M thì hết 130.000.000đồng, anh T nhất trí. Đến ngày 30/01/2016, anh T cùng vợ là chị Lò Thị D đến Ki-ốt ở chợ Bản P giao 60.000.000đồng và hồ sơ xin việc cho bị cáo D. Để tạo sự tin tưởng với vợ chồng anh T, bị cáo viết giấy biên nhận vay tiền có chữ ký xác nhận của chồng bị cáo là ông Lò Văn T. Sau một thời gian, anh T gọi điện thoại hỏi bị cáo về xin việc cho P, bị cáo nói "mình cho họ ít quá nên họ không giúp nhanh được". Ngày 07/6/2015, anh T cùng vợ mang 25.000.000đồng đưa cho bị cáo, hai bên có ký giao nhận tiền. Khoảng một thời gian sau, anh T tiếp tục hỏi bị cáo về xin việc cho P. Bị cáo nói dối là chưa đủ tiền, họ chưa giúp được. Ngày 10/7/2015, anh T đi một mình đến Ki-ốt của bị cáo D, đưa tiếp 21.000.000đồng. Lần này, anh T chỉ ghi lại đằng sau tờ giấy vay tiền lần trước là bị cáo D nhận thêm tiền nhưng bị cáo không ký tên. Đến đầu tháng 10/2015, anh T tiếp tục hỏi bị cáo về xin việc cho P, bị cáo vẫn nói "chưa đủ tiền, họ chưa giúp nhanh được". Ngày 05/10/2015, anh T cùng vợ mang tiếp 24.000.000đồng đưa cho bị cáo tại Ki-ốt chợ Bản P, bị cáo D ký nhận đủ số tiền 130.000.000đồng. Số tiền này bị cáo sử dụng hết vào mục đích cá nhân, còn hồ sơ xin việc bị cáo để tại Ki-ốt bán hàng và đã bị thất lạc.

Lần thứ ba: Đầu năm 2015, do có quan hệ liên gia với vợ chồng ông Lò Văn H (sinh năm 1969), bà Lò Thị K (sinh năm 1972) trú tại bản L, xã S, huyện Đ có con gái tên là Lò Thị Nh (sinh năm 1992) học xong ngành quản lý tài nguyên và môi trường chưa xin được việc. Bị cáo nói với bà Lò Thị K là: *"có quen biết sếp, xin việc không phải qua ai, xin cho làm ở N, ngành Kiểm lâm hết 150.000.000đồng nhưng phải đưa trước 100.000.000đồng khi nào xong thì đưa nốt",* bà K và ông H nhất trí. Đến tối một ngày trong tháng 4/2015, ông H, bà K đến nhà bị cáo đưa trước cho bị cáo 50.000.000đồng, không lập thành văn bản, khi đưa tiền có mặt ông Lò Văn T (sinh năm 1969) là chồng bị cáo. Đến tháng 6/2015, ông H đưa cho bị cáo một bộ hồ sơ xin việc, bị cáo không nộp mà để trong Ki-ốt và đã bị thất lạc. Khoảng hai tháng sau, bị cáo đi qua quán của bà K và nói "phải đưa thêm tiền mới xin được việc, vì nhiều người có nhiều tiền hơn sẽ xin mất". Ngày 28/9/2015, bà K và ông H nhờ anh Lò Văn H, chị Lò Thị H (là em trai, em dâu của bà K) cùng đến nhà bị cáo D để chứng kiến việc giao tiền cho bị cáo. Tại nhà bị cáo D, ông Lò Văn H giao tiếp cho bị cáo 50.000.000đồng, đồng thời đưa ra một giấy biên nhận vay tiền đã viết sẵn có

nội D hai lần vay là 100.000.000đồng, ông H, bị cáo và những người chứng kiến cùng ký vào văn bản này. Sau khi giao tiền, ông Lò Văn H đã nhiều lần hỏi bị cáo về xin việc cho cháu N, bị cáo nói phải chờ vì lãnh đạo chưa về, nên chưa ký được. Ngày 06/8/2016, ông Lò Văn H cùng bố đẻ là ông Lò Văn E (sinh năm 1939, là bố đẻ của ông H) đến nhà bị cáo D yêu cầu trả lại số tiền trên, lúc đó ông Lò Văn T cũng đang ở nhà, bị cáo D xin khất nợ, ông H đã viết giấy biên nhận xin việc làm với số tiền 100.000.000đồng và bị cáo D hẹn ngày 30/9/2016 trả tiền, sau đó bị cáo D, ông H, ông E, ông T cùng ký vào giấy biên nhận. Đến ngày 30/9/2016, ông H đến nhà bị cáo D đế lấy lại tiền nhưng bị cáo D không có ở nhà và liên lạc bằng điện thoại cho bị cáo cũng không được. Số tiền 100.000.000đồng bị cáo D sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2018/HSST, ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã tuyên bố bị cáo Lò Thị D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và xử phạt bị cáo Lò Thị D 11 năm 06 tháng tù.

Bản án số 18/2018/HS-PT, ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã hủy bản án sơ thẩm số: 69/2018/HSST, ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên để xét xử lại ở cấp sơ thẩm với thành phần Hội đồng xét xử mới. Lý do hủy bản án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định sai tư cách người tham gia tố tụng đối với Lò Văn T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST, ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã tuyên bố bị cáo Lò Thị D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 7 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lò Thị D 11 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 31/7/2017).

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi tuyên án, ngày 09/01/2019, bị cáo Lò Thị D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Lò Thị D giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các bị hại không xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lò Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân nhân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư

ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Bị cáo Lò Thị D không có nhiệm vụ quyền hạn trong việc tuyển dụng cán bộ công chức vào làm việc tại các cơ quan Nhà nước, để có tiền một cách nhanh nhất mà không mất sức lao động, trong thời gian từ tháng 9/2014 đến tháng 10/2015, bị cáo Lò Thị D đã 03 lần có hành vi gian dối, đưa ra những thông tin sai sự thật là có mối quan hệ thân thiết với người có chức vụ, quyền hạn ở tỉnh có khả năng xin việc cho những người đã được đào tạo ra trường vào làm việc trong các cơ quan Nhà nước và hứa hẹn sẽ xin được việc làm cho họ, những người này tin tưởng bị cáo nên đã tự nguyện giao tiền cho bị cáo D. Sau khi nhận tiền, bị cáo Lò Thị D không có bất kỳ một tác động hoặc liên hệ nào để xin việc mà chiếm đoạt toàn bộ tiền của họ để sử dụng vào việc đầu tư kinh doanh và chi dùng một số công việc của gia đình, cá nhân. Với thủ đoạn như trên, bị cáo Lò Thị D đã chiếm đoạt tổng số tiền 400.000.000đồng (*bốn trăm triệu đồng*), bao gồm: chiếm đoạt của ông Tòng Văn S 170.000.000đồng (*một trăm bảy mươi triệu đồng*), anh Vì Văn T và chị Lò Thị D 130.000.000đồng (*một trăm ba mươi triệu đồng*), ông Lò Văn H và bà Lò Thị K 100.000.000đồng (*một trăm triệu đồng*).Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo Lò Thị D để xử phạt bị cáo 11 năm 06 tháng tù là thỏa đáng, không nặng. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do để chấp hành án nhanh, sớm được ra trại về lao động, sản xuất kiếm tiền trả cho các bị hại và các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên các tài liệu trong hồ sơ vụ án không thể hiện việc các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm các bị hại cũng không xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo không xuất trình được thêm tài liệu gì để chứng minh cho việc xin giảm nhẹ hình phạt của mình; do đó không có căn cứ để chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo. HĐXX chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm, cần căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 điều 23 Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lò Thị D. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST, ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

2.1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Thị D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2.2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Thị D 11*(mười một)* năm 06 *(sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2017.

2.3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lò Thị D phải chịu 200.000đồng.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND huyện Điện Biên;
- TAND huyện Điện Biên;
- Công an huyện Điện Biên;
- Bị cáo; Bị hại, Người CQLNVLQ;
- UBND xã S;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Lưu HS, HCTP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa